TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đình Duy.
2. Ông Bùi Đức Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966 (Vắng mặt).
Địa chỉ: 1xx Phan Đình P1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.
Hiện đang tạm trú: Y/YC KPZ, phường TH, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Châu Thanh L, sinh năm 1969 (Vắng mặt lần 02)
Địa chỉ: 1xx Phan Đình P1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông N và bà Châu Thanh L tự nguyện quen biết và tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện T,

Bình Định vào ngày 19/8/1987; đến năm 2002 vợ chồng đăng ký kết hôn lại vì Giấy chứng nhận hết hôn bị rách. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vì vợ chồng không còn tin tưởng nhau nữa, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kình cãi, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay, mỗi người sống mỗi nơi không ai quan tâm đến ai. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Châu Thanh L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Châu L1, sinh ngày 04/10/1988; Nguyễn Châu P1, sinh ngày 20/02/1991; Nguyễn Châu L2, sinh ngày 17/5/1997 hiện các con chung đã lớn và có gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Châu Thanh L trình bày: Bà thống nhất như lời trình bày của ông Nguyễn Văn N về thời gian tìm hiểu, điều kiện kết hôn và thời gian đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được 20 năm, đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân ông N có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, bà và các con có đánh ghen. Đến năm 2015 ông N tiếp tục có quan hệ với phụ nữ khác bằng tuổi con dâu của bà, nên bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người sống mỗi nơi, giữa ông N, bà L không còn ai quan tâm đến ai, giữa hai bên chỉ liên lạc với nhau khi có công việc cưới hỏi của các con thì ông N mới về nhà. Nay bà cũng đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Bà thống nhất như ông N trình bày. Hiện các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà thống nhất vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 100m^2, địa chỉ: 1xx Phan Đình P1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định. Khi ly hôn bà có nguyện vọng để lại nhà cho các con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ các quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 8, 9 và 55 Luật hôn nhân gia đình 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn N và bà Châu Thanh L. Về con chung: 03 con chung tên Nguyễn Châu L1, sinh ngày 04/10/1988; Nguyễn Châu P1, sinh ngày 20/02/1991; Nguyễn Châu L2, sinh ngày 17/5/1997 hiện các con chung đã lớn và có gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị miễn xét.

Phần tài sản chung: ông N có đơn rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà L cũng không yêu cầu giải quyết phần tài sản chung nên Tòa án không xem xét trong vụ án này. Án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về thủ tục tố tụng*: Ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Châu Thanh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

* *Về nội dung vụ án*:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà Châu Thanh L tự nguyện quen biết và tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện T, Bình Định vào ngày 19/8/1987 (năm 2002 vợ chồng đăng ký kết hôn lại vì Giấy chứng nhận hết hôn bị rách) đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm, đến tháng 8/2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không còn tin tưởng nhau nữa, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi gay gắt; mâu thuẫn vợ chồng không được hóa giải nên ngày càng trầm trọng, dẫn đến vợ chồng đã thực sự cắt đứt quan hệ, bỏ mặc phần ai nấy sống từ năm 2008 cho đến nay. Không ai quan tâm đến ai, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông N yêu cầu ly hôn và bà L cũng đồng ý là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2] Về con chung: Ông N và bà L đều thống nhất vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Châu 1, sinh ngày 04/10/1988; Nguyễn Châu P1, sinh ngày 20/02/1991; Nguyễn Châu L2, sinh ngày 17/5/1997 hiện các con chung đã lớn và có gia đình, không bên nào yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông N có đơn rút không yêu cầu giải quyết, bà L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia

đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006519 ngày 03/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, ông N đã nộp đủ án phí

[5] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn N và bà Châu Thanh L.

- Về con chung: 03 con chung tên Nguyễn Châu L1, sinh ngày 04/10/1988; Nguyễn Châu P1, sinh ngày 20/02/1991; Nguyễn Châu L2, sinh ngày 17/5/1997 hiện các con chung đã lớn và có gia đình, không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, miễn xét.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0006519 ngày 03/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn. Ông N đã nộp đủ án phí

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND thị trấn P;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Giang Nam